TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 197/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07/7/2023
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Thơm

Ông Hoàng Sĩ Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phạm Thị Thùy- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số177/2023/HNGĐ-TLST ngày 08/5/2023, về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn* ", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 194/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 147/2023/QĐ-ST ngày 21 tháng 6 năm 2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn Th**, sinh ngày 10/6/1990.

Địa chỉ: Đội 3, thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Chị **Phạm Thị M**, sinh ngày 04/5/1990.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn B, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú hiện nay: Nhật Bản.

(Anh Th, chị M có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai - Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Th trình bầy: Anh và chị M tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương ngày 06/4/2012. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được 6 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị M không chung thủy, có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, anh

và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng chị M không thay đổi. Tháng 7/2017 anh đi Nhật Bản lao động, khoảng 2 tháng sau chị M bỏ về nhà mẹ đẻ ở. Đến năm 2018 chị M cũng sang Nhật Bản lao động, hai bên gặp nhau 1 lần nhưng không hòa giải được, sau đó cắt đứt liên lạc. Tháng 3/2023 anh về Việt Nam và xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết cho anh được ly hôn chị M.

Về con chung: Anh và chị M có một con chung là Nguyễn Khánh V, sinh ngày 15/11/2012. Hiện tại con đang ở với anh, ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi con, tự nguyện không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, ly hôn anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Chị Phạm Thị M hiện nay đang lao động tại Nhật Bản, nhưng do anh Th không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị M nên Tòa án đã xác minh địa chỉ của chị M tại gia đình. Bà Nguyễn Thị N là mẹ đẻ chị M cung cấp, chị M đi Nhật Bản lao động từ năm 2019, từ khi đi chị M về Việt Nam một lần vào đầu năm 2023. Bà không biết địa chỉ của chị M nên không thể cung cấp cho Tòa án. Tuy nhiên chị M thường xuyên gọi điện về gia đình. Chị M và anh Th sống không hạnh phúc, mặc dù cả hai cùng lao động tại Nhật Bản nhưng không quan tâm đến nhau, mỗi người sống một nơi. Anh Th làm đơn ly hôn, gia đình bà và chị M đều biết. Bà N đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho chị M biết. Sau khi được thông báo, qua gia đình chị M có quan điểm: Xác định tình cảm vợ chồng không còn nay anh Th có đơn xin ly hôn chị cũng nhất trí. Về con chung chị đồng ý để anh Th nuôi con, tiền cấp dưỡng các bên tự thỏa thuận.Về tài sản chung, nợ chung chị M không có quan điểm, đồng thời chị đề nghị được giải quyết vắng mặt.

Cháu Nguyễn Khánh V là con chung của anh Th, chị M có nguyện vọng được ở với bố khi bố mẹ ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn giữa anh Th, chị M đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh Th được ly hôn chị M. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Khánh V, sinh ngày 15/11/2012 cho anh Th nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự

nguyện của anh Th không yêu cầu chị M cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Các bên không đề nghị, nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Anh Th phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Th có hộ khẩu thường trú Đội 3, thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương. Bị đơn chị Phạm Thị M, có địa chỉ trước khi xuất cảnh tại thôn B, xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương. Hiện chị M đang lao động tại Nhật Bản, do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Th không cung cấp được địa chỉ của chị M tại Nhật Bản. Theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC – PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân tối cao, Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình chị M cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được. Qua xác minh tại gia đình chị M cho thấy, chị M thường xuyên liên lạc với mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị N. Bà N đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho chị M biết. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Do vậy áp dụng công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Anh Th có quan điểm xin được xét xử vắng mặt. Chị M đã được gia đình thông báo và cũng có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Văn Th và chị Phạm Thị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương ngày 06/4/2012, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng mất niềm tin, nghi ngờ sự chung thủy, dẫn đến không tìm thấy tiếng nói chung. Mặc dù cả hai đều lao động tại Nhật Bản nhưng anh Th, chị M không quan tâm đến nhau. Nay anh Th xác định tình cảm vợ chồng không còn và có đơn xin ly hôn chị M. Thông qua gia đình chị M cũng có quan điểm đồng ý ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh Th, chị

M đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Th.

- *Về con chung:* Anh Nguyễn Văn Th và chị Phạm Thị M có một con chung là Nguyễn Khánh V, sinh ngày 15/11/2012, hiện con đang ở với anh Th. Ly hôn anh Th có nguyện vọng được nuôi con. Thông qua gia đình chị M cũng có quan điểm đồng ý để anh Th nuôi con. Xét thấy, thực tế cháu V hiện ở cùng bố, được học tập và chăm sóc tốt. Chị M đang ở nước ngoài nên không có điều kiện trực tiếp nuôi con. Do vậy để ổn định cuộc sống của cháu V, cần tiếp tục giao cháu V cho anh Th chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Th không yêu cầu chị M cấp dưỡng tiền nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3].Về án phí: Anh Nguyễn Văn Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn Th được ly hôn chị Phạm Thị M.

2.Về con chung: Giao con chung Nguyễn Khánh V, sinh ngày 15/11/2012 cho anh Nguyễn Văn Th chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Th không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị Phạm Thị M được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Th phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số AA/2021/0004889 ngày 05 tháng 5 năm 2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh Th đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn Th, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Chị Phạm Thị M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *UBND xã B;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền